

DANH SÁCH HỌC SINH TIỂU HỌC ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ-CP
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 67/QĐ-PGDĐT ngày 06 tháng 05 năm 2025 của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Gia Lộc)

STT	Họ và tên học sinh	Lớp	Điện chính sách	ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP			Ghi chú
				Mức hưởng/tháng	Số tháng hỗ trợ	Nhu cầu KP/kỳ	
	*TH Đoàn Thượng					3,000,000	
1	Vũ Hoàng Ngọc Hà	1A	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
2	Đào Hoàng Anh	3A	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
3	Đặng Thị Hà Linh	4C	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
4	Nguyễn Thị Huyền Như	5A	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
	*TH Đồng Quang					3,000,000	
5	Nguyễn Long Nhật	1B	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
6	Đoàn Mạnh Hiên	4B	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
7	Trần Thị Mai Hiên	4C	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
8	Trương Bảo Ngọc	4D	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
	*TH Đức Xương					3,750,000	
9	Phạm Tấn Tài	1C	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
10	Phạm Văn Hải Đăng	2C	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
11	Đình Bảo Lộc	2A	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
12	Đình Bảo An	4C	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
13	Đình Thị Diệu Châu	5B	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
	*TH Gia Hoà					3,750,000	
14	Nguyễn Đỗ Minh Hiếu	2C	Khuyết tật	150,000	5	750,000	

15	Hoàng Lan Trúc	2B	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
16	Vũ Gia Bảo	4C	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
17	Vũ Thị Tường Vy	2A	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
18	Trần Thị Thanh Trúc	2A	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
	*TH Gia Khánh					750,000	
19	Nguyễn Hoàng Hà	3C	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
	*TH Gia Lương					2,250,000	
20	Lê Nhật Minh	1B	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
21	Nguyễn Thanh Vân	4C	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
22	Nguyễn Hải Đăng	4A	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
	*TH Hoàng Diệu					4,500,000	
23	Đặng Thị Ngọc Yến	5C	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
24	Nguyễn Trung Anh	3B	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
25	Nguyễn Thảo Hân	1A	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
26	Nguyễn Tiến Thành	2B	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
27	Nguyễn Văn Minh Đăng	2D	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
28	Nguyễn Thê Tiến	5C	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
	*TH Hồng Hưng					2,250,000	
29	Lương Mạnh Tùng	2C	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
30	Phạm Văn Tùng	2C	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
31	Nguyễn Tùng Lâm	3D	Trẻ mồ côi	150,000	5	750,000	
	*TH Lê Lợi					4,500,000	
32	Phạm Quốc Cường	3D	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
33	Ngô Thị Khánh Ly	3D	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
34	Tăng Duy Khanh	5D	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
35	Phạm Thị Thu Thủy	5A	Khuyết tật	150,000	5	750,000	

36	Phạm Văn Trung	1D	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
37	Phạm Tùng Lâm	2C	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
	*TH Nhật Tân					3,000,000	
38	Đoàn Ngọc Lan	3A	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
39	Đoàn Thị Chúc Mai	4A	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
40	Cháng Đình Hưng	3B	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
41	Trịnh Công Lý	4B	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
	*TH Phạm Trấn					5,250,000	
42	Hoàng Văn Khôi	1A	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
43	Dương Hoàng Thanh Thảo	2A	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
44	Vũ Khánh Uyên	3C	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
45	Nguyễn Đức Mạnh	3B	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
46	Hoàng Bích Ngọc	4A	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
47	Nguyễn Thị Như Lâm	5C	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
48	Phạm Phương Bảo Trân	3A	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
	*TH Quang Minh					2,250,000	
49	Vũ Minh Phương	5C	Trẻ mồ côi	150,000	5	750,000	
50	Phạm Thị Yến Linh	5C	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
51	Hồ Đình Nghĩa	1B	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
	*TH Thị Trấn Gia Lộc					6,000,000	
52	Trương Tú Uyên	1B	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
53	Nguyễn Hoàng Tuấn Kiệt	1C	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
54	Bùi Ngọc Diệp	4B	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
55	Tăng Hà Duy	4D	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
56	Nguyễn Trần Thành Phúc	1G	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
57	Phạm Ngọc Anh	5E	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	

58	Nguyễn Văn Phi Long	5E	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
59	Phạm Huyền Anh	5E	Trẻ mồ côi	150,000	5	750,000	
	*TH Thị Trấn Gia Lộc II					7,500,000	
60	Đỗ Hải Đăng	1A	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
61	Nguyễn Văn Thắng	1D	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
62	Nguyễn Công Kiên	2E	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
63	Nguyễn Hữu Thiện Tân	3A	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
64	Nguyễn Minh Tiến	3E	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
65	Nguyễn Văn Hiếu	3G	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
66	Đỗ Khánh Ngọc	4G	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
67	Phạm Hoài Anh	2E	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
68	Nguyễn Trần Thành Đạt	3A	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
69	Mai Tiến Đạt	4A	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
	*TH Tân Tiến					5,250,000	
70	Nguyễn Tuấn Anh	1B	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
71	Vũ Anh Thư	1C	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
72	Lương Linh Chi	2A	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
73	Nguyễn Văn Hào Kiệt	3A	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
74	Đỗ Công Vương	4B	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
75	Đỗ Hoài Nam	5B	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
76	Nguyễn Hoàng Tiến	5C	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
	*TH Thống Nhất					11,400,000	
77	Đoàn Thị An Lành	4B	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
78	Nguyễn Việt Anh	1B	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
79	Lê Mạnh Tùng	1E	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
80	Phạm Quang Thắng	1A	Khuyết tật	150,000	5	750,000	

81	Trần Hải Nam	1B	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
82	Phạm Diệp Chi	1D	Khuyết tật	150,000	6	900,000	Truy lĩnh T12 kỳ 1
83	Đoàn Đức Hải	3D	Khuyết tật	150,000	9	1,350,000	Truy lĩnh kỳ 1
84	Nguyễn Văn Hoàn	5A	Khuyết tật	150,000	9	1,350,000	Truy lĩnh kỳ 1
85	Vũ Huy Tiến	5B	Khuyết tật	150,000	9	1,350,000	Truy lĩnh kỳ 1
86	Đoàn Trường Sơn	5D	Khuyết tật	150,000	9	1,350,000	Truy lĩnh kỳ 1
87	Nguyễn Tuấn Phong	5E	Khuyết tật	150,000	9	1,350,000	Truy lĩnh kỳ 1
	*TH Thống Kênh					3,750,000	
88	Vũ Quỳnh Châm	1Đ	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
89	Nguyễn Anh Kiệt	2C	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
90	Đỗ Tiến Tuấn Kiệt	2Đ	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
91	Vũ Xuân Phúc	4A	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
92	Vũ Thị Yến	5Đ	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
	*TH Trùng Khánh					750,000	
93	Trần Văn Dũng	5A	Khuyết tật	150,000	5	750,000	
	*TH Toàn Thắng					7,500,000	
94	Nguyễn Huy Thành	1D	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
95	Phan Thị Thu Trà	2C	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
96	Phan Thị Ngọc Trâm	4D	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
97	Hoàng Gia Nhi	5E	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
98	Nguyễn Việt Quang	1C	Khuyết Tật	150,000	5	750,000	
99	Phạm Thị Ngọc Diệp	2A	Khuyết Tật	150,000	5	750,000	
100	Hoàng Kim Nam	2B	Khuyết Tật	150,000	5	750,000	
101	Hoàng Văn Lực	3C	Khuyết Tật	150,000	5	750,000	
102	Phạm Thúy Nga	4C	Khuyết Tật	150,000	5	750,000	
103	Phạm Thị Ánh Dương	4A	Trẻ mồ côi	150,000	5	750,000	

	*TH Yết Kiêu					3,000,000	
104	Phạm Thị Tuyết Mai	1D	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
105	Phạm Hồng Hà	4C	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
106	Đoàn Ngọc Trâm	4D	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
107	Nguyễn Phương Nam	5B	Hộ nghèo	150,000	5	750,000	
	Tổng					83,400,000	

** Danh sách trên gồm 107 học sinh.*

Số: 67 /QĐ-PGDĐT

Gia Lộc, ngày 06 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ
chi phí học tập cho học sinh các trường Tiểu học theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP
học kỳ II, năm học 2024-2025

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN

Căn cứ Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT, ngày 22/5/2020 của Bộ GD&ĐT, hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở GD&ĐT thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng GD&ĐT thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Công văn số 1507/SGDĐT – KHTC ngày 19/11/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương, hướng dẫn về việc miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; quản lý, sử dụng học phí và các khoản thu khác trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Theo đề nghị của cán bộ phụ trách thẩm định hồ sơ của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II năm học 2024-2025 cho 107 học sinh đang học tại các trường Tiểu học với tổng số tiền là 83.400.000 đồng (bằng chữ: Tám ba triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn).

(Có danh sách chi tiết kèm theo).

Điều 2. Các trường Tiểu học chịu trách nhiệm về tính chính xác của học sinh đủ điều kiện được hỗ trợ chi phí học tập, đồng thời công khai danh sách, kinh phí, thực hiện chi trả theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Hiệu trưởng các trường Tiểu học có tên trong danh sách tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - VP HĐND – UBND huyện;
 - Phòng TC-KH huyện;
 - Kho bạc nhà nước huyện;
 - Lưu: VT.
- (Để phối hợp thực hiện)

TRƯỞNG PHÒNG

Đỗ Thế Ngọc